

588
21 TW
144**CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY****Về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017
Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
“về công tác dân số trong tình hình mới”**

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới (viết tắt là Nghị quyết số 21). Để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**1. Tình hình**

Sau 25 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình của tỉnh đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, thực sự đi vào cuộc sống của người dân và đã đạt được kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào công cuộc giảm nghèo, cải thiện đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tốc độ gia tăng dân số được kiểm soát, đạt mức sinh thay thế so với mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đề ra; tỷ suất sinh thô (CBR) từ 19,95‰ năm 2004 giảm còn 15,34‰ năm 2016; số con trung bình của mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 2,16 con năm 2004 còn 1,61 con năm 2016. Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tăng từ 63,12% năm 2004 lên 79,43% năm 2016.

Chất lượng dân số đã từng bước được cải thiện, tuổi thọ trung bình tăng đều qua từng năm; tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi giảm từ 20,5‰ năm 2004 xuống 14,35‰ năm 2016; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi đã giảm từ 25% năm 2004 xuống còn 12,2% năm 2016; tầm vóc, thể lực có bước cải thiện; tỷ lệ cặp vợ chồng khám sức khỏe tiền hôn nhân, tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sơ sinh năm sau cao hơn năm trước, đã tầm soát, phát hiện, can thiệp kịp thời các bệnh, dị tật bẩm sinh góp phần nâng cao chất lượng dân số. Từ năm 2004 đến nay,

Hậu Giang đang ở giai đoạn cơ cấu dân số vàng, số người trong độ tuổi lao động hiện chiếm 66,1%, cơ cấu người trong tuổi lao động dưới 40 tuổi chiếm 59,37% và có sự phân bố dân cư thành thị chiếm 25,8% và nông thôn 74,2%.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình của các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân đã có bước đột phá. Mỗi cặp vợ chồng sinh từ 1 đến 2 con, sinh ít để nuôi con khỏe, dạy con ngoan đã trở thành chuẩn mực, lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội.

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được mở rộng đến vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn và chất lượng từng bước được nâng cao.

2. Hạn chế

Tuy nhiên, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình vẫn còn nhiều hạn chế. Mức sinh giữa các vùng còn chênh lệch đáng kể, hiện tại mức sinh thay thế của tỉnh đạt 1,61 con/bà mẹ, thấp hơn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là 1,84 con và toàn quốc 2,1 con. Mất cân bằng giới tính khi sinh tăng nhanh, đã ở mức nghiêm trọng từ 97,86/100 (năm 2006) tăng lên 113,7/100 (năm 2017).

Chưa có giải pháp đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số. Tỷ lệ bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2013 (10%) và đến năm 2016 là 12,4%. Đa số người cao tuổi sống ở vùng nông thôn, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, hiện nay có trên 10% người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo. Người cao tuổi phải đối diện với gánh nặng “bệnh tật kép” và hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi chưa đảm bảo.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi còn cao, chiếm 25,3% năm 2016 (trẻ 4 thì có 1 trẻ suy dinh dưỡng thấp còi). Tầm vóc, thể lực của người Hậu Giang chậm được cải thiện so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Tuổi thọ bình quân tăng nhưng số năm sống khỏe mạnh chưa cao.

Phân bố dân số, quản lý nhập cư, di dân còn nhiều bất cập. Việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người di cư, khu công nghiệp còn nhiều hạn chế. Công tác xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình gặp nhiều khó khăn, chưa được người dân ủng hộ và tiếp cận nhiệt tình, còn trong chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Công tác truyền thông, giáo dục về dân số ở một số khu vực, nhóm đối tượng hiệu quả chưa cao. Nội dung truyền thông, cung cấp dịch vụ chưa toàn diện, chủ yếu tập trung vào kế hoạch hóa gia đình.

Một số chính sách về dân số chậm đổi mới. Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số không ổn định, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác dân số kế hoạch hóa gia đình còn thấp. Nguồn lực đầu tư cho dân số, kế hoạch hóa gia đình hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hiện nay.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đặc biệt là:

Một số nơi cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tính chất quan trọng, những khó khăn, phức tạp, tính lâu dài và bền vững của công tác dân số kế hoạch hóa gia đình trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nhận thức và hành động còn nặng về công tác kế hoạch hóa gia đình, chưa chú trọng nhiều đến mặt cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và phát triển.

Một bộ phận nhân dân vẫn còn quan niệm trọng nam hơn nữ, mong muốn có nhiều con, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Vai trò chủ động tham mưu, phối hợp với các ngành các cấp chưa thường xuyên; cán bộ làm công tác dân số chưa đáp ứng nhu cầu chức năng và nhiệm vụ.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong từng thời kỳ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự quản lý chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Mục tiêu

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

Đến năm 2025:

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế đến 2025 là 1,89 con; quy mô dân số của tỉnh 791.535 người.

- Giảm 30% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 70% đơn vị cấp huyện đạt mức sinh thay thế; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 1/2 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống (năm 2016 là 114 bé trai/100 bé gái); tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 18%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 12,4%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng dưới 36%.

- Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%; 50% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 80% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 67 năm; phân đầu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở y tế chăm sóc tập trung.

- Tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 35%; bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh và quốc gia.

Đến năm 2030:

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế đến 2030 là 2,1 con; quy mô dân số của tỉnh 826.284 người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 100% đơn vị cấp huyện đạt mức sinh thay thế; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 11%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng dưới 40%.

- Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; phần đầu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở y tế chăm sóc tập trung.

- Tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 45%; bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng sâu, vùng khó khăn; bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh và quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Tiếp tục quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra đến năm 2030 theo Nghị quyết số 21 đã đề ra đến đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương; phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Tăng cường sự lãnh, chỉ đạo việc thực hiện mục tiêu giảm sinh hợp lý bền vững, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, điều chỉnh tỉ lệ sinh còn thừa ba trở lên và tỷ số giới tính phù hợp với thực tiễn từng địa phương; tỉ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai phù hợp; đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ, phương tiện tránh thai đa dạng, phong trào xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường phối hợp và nâng cao trách nhiệm liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, nhân dân và cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số,... làm cơ sở để xem xét công nhận đơn vị, xã, phường đạt chuẩn văn hóa, khu dân cư tiên tiến, xã đạt chuẩn y tế quốc gia, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải tiên phong, gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 02 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Đẩy mạnh chương trình truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu toàn diện về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và phát huy lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, góp phần phát triển bền vững về kinh tế - xã hội.

Nội dung tuyên truyền, vận động phải phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, trong đó coi trọng tuyên truyền, giáo dục, vận động ở các vùng sâu, vùng xa và vùng có đông đồng bào người dân tộc.

Thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có đủ 02 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 02 con ở những nơi có mức sinh thấp; tập trung tuyên truyền, tuyên dương tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, gia đình có điều kiện kinh tế khá trở lên thực hiện sinh đủ 02 con.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, nêu cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội cũng như trong gia đình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tuyên truyền *“cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức”*; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm hôn nhân cận huyết thống.

Tăng cường giáo dục kiến thức và kỹ năng sống cho thanh niên, vị thành niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, hôn nhân và gia đình; vận động các cặp vợ chồng chuẩn bị kết hôn khám sức khỏe tiền hôn nhân.

Tăng cường công tác truyền thông về thực hiện xã hội hóa về dân số và phát triển: khám sức khỏe tiền hôn nhân và khám trước khi quyết định có thai; thực hiện sàng lọc chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh.

Khơi dậy, đẩy mạnh phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam tại tỉnh Hậu Giang; chú trọng tuyên truyền về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, kiến thức và kỹ năng tự chăm sóc các bệnh mạn tính, dinh dưỡng, thể dục, thể thao hợp lý cho người cao tuổi tại gia đình.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đưa nội dung, chương trình giáo dục dân số, sức khỏe vào trong nhà trường; hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Rà soát, điều chỉnh các quy định về chính sách dân số cho phù hợp với tình hình mới như: chính sách duy trì mức sinh hợp lý, thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; nghiên cứu đề xuất việc miễn, giảm chi phí khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sơ sinh cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện chính sách dân số, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ người dân, triển khai toàn diện nội dung của công tác dân số ở từng địa phương.

Rà soát, cụ thể hóa các quy định về công tác thanh tra chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình; nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi, sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

Kịp thời ban hành chương trình, kế hoạch về công tác dân số trong tình hình mới; phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhanh, bền vững và thích ứng với xu hướng già hóa dân số của tỉnh.

Hoàn thiện văn bản về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi; tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với các yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh, đảm bảo việc phân bố dân cư phù hợp với chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của tỉnh.

Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về lĩnh vực dân số; hỗ trợ thỏa đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định ở các địa bàn đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ về dân số theo hướng toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, tư vấn kiểm tra sức khỏe trước hôn nhân, tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập đủ điều kiện; đổi mới phương pháp cung cấp, đưa dịch vụ đến tận y tế cơ sở gần dân nhất, thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Từng bước phát triển hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi của tổ chức nhân đạo từ thiện hoặc tư nhân; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước và huy động hợp lý nguồn lực xã hội để phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như: trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi không nơi nương tựa, người đến định cư vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc có điều kiện khó khăn, hộ nghèo,... đều bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, chú trọng về cơ cấu, chất lượng phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương; phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao,... và thực hiện các chính sách dân số nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh cung ứng các phương tiện, dịch vụ,... thuộc lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường bảo hiểm, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

6. Kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; có chính sách ưu đãi thỏa đáng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng tác viên làm công tác dân số; chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở ấp, khu vực.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển; đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân; đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư của tỉnh liên thông với các huyện thống nhất dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội, cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết số 21 và nghiêm túc thực hiện nội dung Chương trình này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương.

2. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; chỉ đạo các ban, sở, ngành và địa phương cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của từng ngành, từng cấp; thường xuyên theo dõi kiểm tra, đôn đốc, sơ, tổng kết; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Chương trình.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo);
 - VP Trung ương Đảng (để báo cáo);
 - Các đồng chí Trung ương phụ trách địa bàn;
 - Các đồng chí UV BCH Đảng bộ tỉnh;
 - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn;
 - Các ban, sở, ngành, mặt trận, đoàn thể tỉnh;
 - Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- KT-XH/KHOA.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Huỳnh Thanh Tạo